

UNIT 1
GRAMMAR REVISION FOR TOEIC
Cô Vũ Mai Phương

1. Các thành phần cơ bản câu

Chức năng của từ loại

Động từ - Verbs

Example: Kathy ate an apple.



Danh từ - Nouns

For example: teacher, cat, coffee, rain, math, dream, Korea.



Vị trí của danh từ trong câu

✓ *Danh từ đứng làm chủ ngữ*

Eg: The document was delivered by him in person.

S

V

✓ *Danh từ đóng vai trò làm tân ngữ trong câu*

Eg: We hired supervisors for the construction.

S V

O

✓ *Danh từ đứng sau mạo từ và từ sở hữu*

a/ an/ the

+ danh từ

my/his/her/our/

their/its/your

Tính từ - Adjectives

Example: I like long hair.

The bridge is pretty long.



Vị trí của tính từ trong câu

- ✓ Tính từ đứng trước danh từ và bổ nghĩa cho danh từ

Eg: He received the award for his creative idea.

adj N

- ✓ Tính từ đứng sau động từ to be để bổ nghĩa cho chủ ngữ

Eg: Their cars are reliable and affordable.

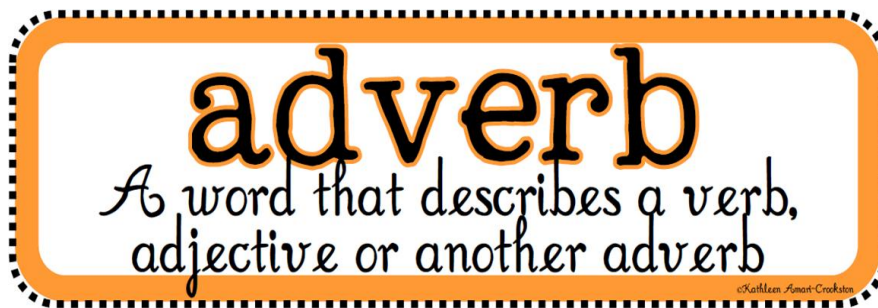
V adj

- ✓ Tính từ mang chức năng bổ ngữ đứng sau các động từ tri giác, cảm giác hoặc các động từ nối khác như: look, sound, smell, taste, become, get, seem, remain,...

Eg: She looks tired.

V adj

Trạng từ - Adverb



Example: They highly recommended the product.

That was a very creative idea.

Điều chỉnh một động từ	He <u>carefully</u> dug under the tree.
Điều chỉnh một tính từ	The sandwiches were <u>really</u> delicious.
Điều chỉnh một trạng từ khác	She likes this novel <u>very</u> much.
Điều chỉnh một cụm từ	Ally left <u>shortly</u> before 9.00 p.m.
Điều chỉnh một mệnh đề	I arrived <u>long</u> after the party began.
Điều chỉnh cả câu	<u>Usually</u> , he works Monday to Friday.

Liên từ - Conjunctions

Liên từ kết hợp.



Example: It was raining, so I put on my raincoat.

Liên từ tương quan.

Example: You can make your payment either in person or by mail.

Các Loại Liên Từ

Liên từ kết hợp (coordinating conjunctions)	Là liên từ liên kết các cụm từ song song	for, and, nor, but, or, yet
Liên từ kép (correlative conjunctions)	Là liên từ có hai thành phần, những từ (hoặc cụm từ) đứng sau từng thành phần này phải cùng từ loại với nhau.	both . . . and, not only . . . but also..., not . . . but, either . . . or, neither . . . Nor, whether . . . or , as as, no sooner.... than...
Liên từ phụ thuộc (subordinating conjunctions)	Là liên từ nối kết các nhóm từ, cụm từ hoặc mệnh đề có chức năng khác nhau / mệnh đề phụ với mệnh đề chính trong câu.	<ul style="list-style-type: none">- Since, when (= as), after, before, as soon as, while- if / as long as, unless, once- because / since / as, for, now that- Although, even though, though, even if- so / so that

Giới từ - Prepositions



Example: We had dinner at a Korean restaurant.

The city hosts a jazz festival in the summer.

It is usually colder on the beach because of the breeze.

Ý Nghĩa của Giới từ

Giới từ có chức năng liên kết danh từ:

Eg: According to the survey, many college students

prep n

want to study abroad.

(1) Thời gian: during, since, for, before (= prior to), after, within, by

(2) Lý do: because of (= due to)

(3) Nhượng bộ: despite (= in spite of)

(4) Ý nghĩa khác: according to, about (= as to)

Choose the correct option to complete each sentence.

1. Unfortunately, the _____ is out of order.

- (A) copier (B) copy
(C) copying (D) to copy

2. The new policy was _____ difficult to implement.

- (A) extreme (B) extremes
(C) extremely (D) to extreme

3. Everybody knows that it is a _____ market.

- (A) compete (B) competitive
(C) competitively (D) competition

4. Either Sam _____ Tom will be sent to the new branch in L.

- (A). and (B) or
(C) but (D) nor

5. Thank you _____ your inquiry about our products.

- (A) to (B) as
(C) of (D) for

2. Nắm Vững Câu Và Các Cấu Trúc Bổ Nghĩa

Các hình thức cấu trúc bổ nghĩa

● Hình thức bổ nghĩa trước danh từ.

Mạo từ + trạng từ + tính từ + danh từ:

an (1) increasingly (2) abnormal (3) sport(a / an / the)

(1) Danh từ phải đứng sau mạo từ.

(2) Tính từ đứng trước danh từ, bổ nghĩa cho danh từ.

(3) Trạng từ đứng trước tính từ, bổ nghĩa cho tính từ.

● Hình thức bổ nghĩa sau danh từ.

Danh từ + giới từ + danh từ :

(1) New brand of car [(2) in the warehouse] (3) will be sold tomorrow.

Danh từ + mệnh đề quan hệ (who / which / that) + động từ.

(1) The man [(2) who was a robber] (3) was arrested 10 minutes ago.

(2)

Phân tích cấu trúc câu theo thứ tự dưới đây:

1. Xác định động từ.
2. Tìm chủ ngữ (thường là danh từ).
3. Xác định cấu trúc bổ nghĩa rồi phân tích.
4. Xác định sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ.

3. Nắm Vững Câu Mở Rộng

• Liên kết câu bằng liên từ

The actor, who acted in that movie, recently received noble academy awards because he possessed exceptional talents.

liên từ ↓ động từ
chủ ngữ

The actor received academy awards.

chủ ngữ động từ tân ngữ

Mở rộng câu bằng cấu trúc bổ nghĩa

Câu cơ bản:

The actor received academy awards.

chủ ngữ động từ túc từ

Thêm trạng từ:

The actor recently received academy awards.

Thêm tính từ:

The actor recently received noble academy awards.

Thêm (cụm) giới từ:

The actor in that movie recently received noble academy awards.

Thêm mệnh đề quan hệ:

The actor, who acted in that movie, recently received noble academy awards.

Mở rộng câu bằng cấu trúc liên kết

• Liên kết danh từ bằng giới từ

The actor, who acted in that movie, recently received noble academy awards because of his exceptional talents.

giới từ cụm danh từ

• Liên kết câu bằng liên từ

The actor, who acted in that movie, recently received noble academy awards because he possessed exceptional talents.

**liên từ ↓ động từ
 chủ ngữ**

= Because he possessed exceptional talents, the actor who acted in that movie, recently received noble academy awards.

4. Luyện Tập Phân Tích Câu

1. Gạch dưới chủ ngữ, động từ và túc từ
2. Xác định cấu trúc bổ nghĩa và cấu trúc liên kết

Ex: The teacher marked students' final test.

chủ ngữ động từ tân ngữ

Tìm chủ ngữ, động từ và túc từ

1. Climate change is a global challenge in recent times.
2. A troubled economy will prevent people from paying for procurement activities.
3. Many courier companies depends on trucks and airplane fleets.
4. Shopping culture changes very fast in an ever-changing country like America.
5. Each company needs an appropriate strategy to cope with many competitors.
6. China is a promising business land in Asia.
7. The company wants to create better shopping experiences for customers.
8. The company lost millions of dollar for the lawsuit

